

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000  
Cụm công nghiệp Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6/2014;*

*Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ văn bản hợp nhất số 48/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật xây dựng;*

*Căn cứ xác thực Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2019/BXD về Quy hoạch xây dựng ban hành theo Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, tỉnh An Giang đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh một phần đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đề cương và dự toán chi phí lập đồ*

án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3256/TTr-SXD ngày 29 tháng 9 năm 2020.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, do Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng AB&C lập quy hoạch, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đồ án:** Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**2. Chủ đầu tư:** Phòng Quản lý Đô thị thành phố Châu Đốc.

**3. Phạm vi ranh giới quy hoạch:** Vị trí khu đất nằm ở phía Tây Núi Sam, gần kênh Ba Nhịp, thuộc xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc; ranh giới có tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất dự trữ phát triển;
- Phía Đông Nam giáp đất ở nông thôn;
- Phía Tây Nam giáp tuyến dân cư kênh Ba Nhịp;
- Phía Tây Bắc giáp dân cư cặp Đường tỉnh 955A.

**4. Tính chất:**

- Là Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tập trung đa ngành quy mô vừa, với trọng tâm là chế biến nông, thủy sản lương thực, thực phẩm, gắn liền với việc tiêu thụ nguồn nguyên liệu nông, thủy sản có sẵn tại địa phương.

- Là Cụm công nghiệp phát triển tiểu thủ công nghiệp theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, hàng tiêu dùng, hàng may mặc, sản phẩm phục vụ nông nghiệp, phân bón, thức ăn gia súc,...và các loại hình công nghiệp ít gây ô nhiễm (từ cấp IV trở xuống) với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh.

**5. Quy mô:**

- Diện tích đất: Khoảng 70ha.
- Dân số: Khoảng 2.000 dân.

**6. Cơ cấu sử dụng đất:** Phương án bố trí cơ cấu sử dụng đất khu vực quy hoạch theo bảng cân bằng đất như sau:

**Bảng cân bằng đất**

<b>Số TT</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>1</b>	<b>Khu điều hành (ĐH)</b>	<b>6.400</b>	<b>0,91</b>
<b>2</b>	<b>Khu dịch vụ - Ăn uống giải khát (DV)</b>	<b>16.024</b>	<b>2,29</b>
<b>3</b>	<b>Trung tâm bảo trợ xã hội (BT)</b>	<b>3.020</b>	<b>0,43</b>
<b>4</b>	<b>Đất nhà máy – Kho xưởng</b>	<b>389.240</b>	<b>55,61</b>
<b>5</b>	<b>Đất nhà ở công nhân (LK)</b>	<b>41.900</b>	<b>5,99</b>

<b>6</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>14.756</b>	<b>2,11</b>
	- Trạm biến áp + Cấp nước (HT)	7.026	1,00
	- Khu xử lý nước thải (XL)	7.730	1,11
<b>7</b>	<b>Đất công viên cây xanh + Mương nước</b>	<b>90.725</b>	<b>12,96</b>
	- Công viên tập trung	13.736	1,96
	- Cây xanh cách ly	57.816	8,26
	- Mương nước	19.173	2,74
<b>8</b>	<b>Đất giao thông + Bãi đậu xe (BX)</b>	<b>137.935</b>	<b>19,71</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>700.000</b>	<b>100,00</b>

### 6.1. Đất Nhà máy – Kho xưởng:

Tổng diện tích: 389.240m<sup>2</sup>, chiếm 55,61% diện tích toàn khu quy hoạch, trên cơ sở ô cờ chia ra các khu đất Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp, gồm: 06 khu với 63 lô đất, với diện tích từ 5.982m<sup>2</sup> đến 10.819m<sup>2</sup>, cụ thể như sau:

- *Khu A*: Diện tích 47.335m<sup>2</sup>, gồm 07 lô (diện tích từ 5.982m<sup>2</sup> đến 10.819m<sup>2</sup>). Bố trí các loại hình công nghiệp: Chế biến nông thủy, súc sản và chế biến thực phẩm rau quả quy mô vừa.

- *Khu B*: Diện tích: 71.978m<sup>2</sup>, gồm 12 lô (diện tích từ 5.982m<sup>2</sup> đến 6.007m<sup>2</sup>). Bố trí các loại hình công nghiệp: Hàng tiêu dùng may mặc, sản phẩm da, giày quy mô vừa và khá.

- *Khu C*: Diện tích: 71.928m<sup>2</sup>, gồm 12 lô (diện tích từ 5.982m<sup>2</sup> đến 6.000m<sup>2</sup>). Bố trí các loại hình công nghiệp: hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, đặc sản phục vụ du khách.

- *Khu D*: Diện tích: 54.093m<sup>2</sup>, gồm 08 lô (diện tích từ 5.982m<sup>2</sup> đến 9.778m<sup>2</sup>). Bố trí các loại hình công nghiệp: Chế biến phế liệu, cơ khí nông nghiệp, nước đá, bố trí các cơ sở cần di dời trong nội thị.

- *Khu E*: Diện tích: 71.978m<sup>2</sup>, gồm 12 lô (diện tích từ 5.982m<sup>2</sup> đến 6.007m<sup>2</sup>). Bố trí các loại hình công nghiệp: Hàng tiêu dùng đặc sản phục vụ du khách cần di dời từ nội ô đặc biệt là sản xuất mắm, khô, bao bì nhựa,...

- *Khu F*: Diện tích: 71.928m<sup>2</sup>, gồm 12 lô (diện tích từ 5.982m<sup>2</sup> đến 6.000m<sup>2</sup>). Bố trí các loại hình công nghiệp: Chế biến hàng tiêu dùng và thực phẩm đặc sản (như: Chả giò, búa, bánh, các loại rau câu, sản phẩm từ trái Thốt Nốt, gia công sản phẩm từ gỗ, Inox, nhôm, cửa bàn ghế, tủ giường,...) chủ yếu chuyên cơ sở từ nội ô thành phố ra Cụm công nghiệp.

**Bảng thống kê lô đất Nhà máy – Kho xưởng**

Chủng loại	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lô	Kích thước lô (m)
<b>NHÀ MÁY – XÍ NGHIỆP KHO XƯỞNG</b> (Chế biến nông thủy, súc sản & chế biến thực phẩm rau quả)	<b>Khu A</b>	<b>47.335 m<sup>2</sup></b>	<b>07</b>	
	A1	10.819	01	100 x 118,5
	A2,A5,A6	18.000	03	60 x 100
	A3,A7	11.964	02	(60 x 100) - 18
	A4	6.552	01	58,5 x 100
<b>NHÀ MÁY – XÍ NGHIỆP</b>	<b>Khu B</b>	<b>71.978 m<sup>2</sup></b>	<b>12</b>	

<b>KHO XUỞNG</b> (Hàng tiêu dùng, may mặc, giày da)	B1,B7	6.007	02	(60,25 x 100) - 18
	B2 → B5 B8 → B11	48.000	08	60 x 100
	B6,B12	11.964	02	(60 x 100) - 18
<b>NHÀ MÁY – XÍ NGHIỆP KHO XUỞNG</b> (Hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, đặc sản, quà lưu niệm)	<b>Khu C</b>	<b>71.928 m<sup>2</sup></b>	<b>12</b>	
	C1,C6,C7,C12	23.928	04	(60 x 100) - 18
	C2 → C5 C8 → C11	48.000	08	60 x 100
<b>NHÀ MÁY – XÍ NGHIỆP KHO XUỞNG</b> (Chế biến lương thực, thức ăn gia súc, cửa xê gỗ, cơ khí, nước đá,...)	<b>Khu D</b>	<b>54.093 m<sup>2</sup></b>	<b>08</b>	
	D1	8.351	01	(77,4÷91) x 100
	D2,D3,D6,D7	24.000	04	60 x 100
	D4,D8	11.964	02	(60 x 100) - 18
<b>NHÀ MÁY – XÍ NGHIỆP KHO XUỞNG</b> (Hàng tiêu dùng, đặc sản, khô, mắm, giấy, màng mỏng)	<b>Khu E</b>	<b>71.978 m<sup>2</sup></b>	<b>12</b>	
	E1,E7	6.007	02	(60,25 x 100) - 18
	E2 → E5 E8 → E11	48.000	08	60 x 100
	E6,E12	11.964	02	(60 x 100) - 18
<b>NHÀ MÁY – XÍ NGHIỆP KHO XUỞNG</b> (Hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, thực phẩm, khô, mắm, ...)	<b>Khu F</b>	<b>71.928 m<sup>2</sup></b>	<b>12</b>	
	F1,F12,F6,F7	23.928	04	(60 x 100) - 18
	F2 → F5 F8 → F11	48.000	08	60 x 100
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>389.240 m<sup>2</sup></b>	<b>63 lô</b>	

**6.2. Khu điều hành, ký hiệu (ĐH):** Diện tích 6.400m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 0,91% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí cặp bãi xe, đường dẫn vào cầu Cồn Tiên, đường số 01 và công viên đảm bảo thuận tiện điều hành toàn bộ Cụm công nghiệp.

**6.3. Khu dịch vụ - Ăn uống giải khát, ký hiệu (DV):** Diện tích 16.024m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 2,29% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí cặp đường dẫn vào cầu Cồn Tiên, cặp đường số 01 và Khu nhà ở công nhân.

**6.4. Trung tâm bảo trợ xã hội, ký hiệu (BT):** Diện tích 3.020m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 0,43% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí cặp đường số 01, đường số 04 và khu công viên cây xanh nhằm di dời Trung tâm bảo trợ xã hội thành phố Châu Đốc.

**6.5. Khu nhà ở công nhân, ký hiệu (LK):** Diện tích 41.900m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 5,99% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí ở vị trí Đông Nam của khu quy hoạch tiếp cận đường số 01, số 04, số 05 và khu dịch vụ - ăn uống giải khát. Bao gồm: Cửa hàng tiện lợi, chợ; Sân bãi TDTT; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Dịch vụ ăn uống giải khát; Dịch vụ vui chơi giải trí; Dịch vụ khác có liên quan (cắt tóc, giặt là,...).

#### **6.6. Khu hạ tầng kỹ thuật:**

- **Trạm biến áp + Cấp nước, ký hiệu (HT):** Diện tích 7.026m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 1,0% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí ở phía Tây Nam của khu quy hoạch tiếp cận đường kênh Ba Nhịp, đường số 04, khu xử lý nước thải, công viên tập trung và trung tâm bảo trợ xã hội. Bao gồm: Điện nổi từ đường dây 22KV, biến áp cung cấp cho cụm công nghiệp, khu phụ trợ và nhà ở công nhân; Hệ thống cấp nước được lấy từ nhà máy nước thành phố cung cấp theo đường kênh Ba Nhịp; Bể nước dự phòng và máy bơm; Trạm BTS và cột Anten.

- **Khu xử lý nước thải:** Diện tích 7.730m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 1,10% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí tiếp cận đường kênh Ba Nhịp, trạm biến áp + cấp nước, bãi đậu xe và công viên tập trung.

### **6.7. Công viên, cây xanh cách ly và mương nước :**

- **Công viên tập trung:** Diện tích 13.736m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 1,96% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí tiếp cận đường số 01, công trình công cộng, bãi đậu xe và đất hạ tầng kỹ thuật.

- **Cây xanh cách ly:** Diện tích 57.816m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 8,26% diện tích toàn khu quy hoạch. Là khoảng cây xanh cách ly bố trí xung quanh Cụm công nghiệp đảm bảo cách ly với dân cư xung quanh trong khu vực.

- **Đất mương nước:** Diện tích 19.173m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 2,74%. Mương nước kết hợp cây xanh cách ly cho cụm công nghiệp lấy nước từ kênh Ba Nhịp và kết nối hệ thống tưới tiêu, đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp trong vùng.

**6.8. Đất giao thông + bãi xe:** Diện tích 137.935m<sup>2</sup>; chiếm tỷ lệ 19,71% diện tích toàn khu quy hoạch.

### **7. Tổ chức không gian và thiết kế cảnh quan:**

- Tổ chức không gian kiến trúc dựa trên đặc điểm hiện trạng, không gian giao thông, thiết kế chiều cao công trình theo quy mô hợp lý, phù hợp với tính chất hoạt động của từng khu vực nhằm tạo các không gian kiến trúc đa dạng, đặc thù.

- Trục cảnh quan của khu công nghiệp là trục giao thông chính (đường dẫn Cầu Cồn Tiên) đi qua khu công nghiệp và cảnh quan cặp kênh Ba Nhịp.

- Ngoài ra còn có tuyến đường số 1 kết nối giao thông bộ (đường tỉnh 955A và giao thông thủy (kênh Vĩnh Tế).

- Các nhà máy xây dựng trong cụm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, ít ô nhiễm đến môi trường, kiến trúc đa dạng, hiện đại trong khu công nghiệp.

- Hệ thống cây xanh ven các trục đường giao thông, cây xanh cách ly và cây xanh tập trung sẽ góp phần tạo không gian cây xanh chung cho toàn khu công nghiệp.

### **8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

#### **8.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng**

##### **a) San nền:**

- Khu vực quy hoạch sẽ được san lấp với cao độ san lấp đạt cao trình chống lũ:  $\geq +5,0m$ , so với hệ cao độ Quốc gia (Công văn số 1673/SXD-CCGD ngày 07/7/2017 của Sở Xây dựng An Giang về việc quy định các nguyên tắc xác định cao trình thiết kế các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang).

- Căn cứ vào địa hình tự nhiên là đất vườn tạp và mương lạng nên công việc chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng chủ yếu là đắp đất, tạo độ dốc nền để thoát nước mặt nhanh chóng, tiến hành san nền cục bộ các khu vực theo hướng dốc  $i = 2\%$ .

- Tổng diện tích san lấp: 700.000m<sup>2</sup>.

- Tổng khối lượng san lấp: 2.513.674m<sup>3</sup>.

##### **b) Thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa được đầu tư xây dựng cho từng nhà máy, thoát nước thải và thoát nước mưa đi ra hai hệ thống riêng biệt.

- Hướng thoát nước mưa ra kênh Vĩnh Tế và kênh Ba Nhịp.

- Cống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT Ø400 ÷ Ø1000 có khả năng chịu lực, kích thước cống tính toán theo chu kỳ tràn cống T = 10 năm.

- Về giải pháp bố trí tuyến cống: Sử dụng cống chịu tải trọng Hvh và chọn độ sâu chôn cống ban đầu tối thiểu là -0,6m, đối với các tuyến cống bằng đường sử dụng cống chịu tải trọng H30 và chọn độ sâu chôn cống ban đầu tối thiểu là -0,8m nhằm đảm bảo cống làm việc bình thường dưới tác dụng của xe lưu thông và các tải trọng khác liên quan. Tổ chức tuyến cống thoát nước mưa hai bên đối với các trục đường, sử dụng phương pháp nối cống ngang đỉnh nhằm đảm bảo dòng chảy hiệu quả nhất.

## 8.2. Quy hoạch giao thông:

### a) Giao thông đối ngoại:

- Đường dẫn vào cầu Cồn Tiên: Có lộ giới theo quy hoạch 28m (8-12-8), khoảng lùi 10m đối với công trình công nghiệp, khoảng lùi 6m đối với công trình khác.

- Đường số 01: Dẫn từ đường tỉnh 955A vào làm trục chính cho Cụm Công nghiệp, có lộ giới 26m (6-14-6), khoảng lùi 10m đối với công trình công nghiệp, khoảng lùi 6m đối với công trình khác.

### b) Giao thông nội bộ:

- Giao thông nội bộ trong Cụm công nghiệp chỉ là giao thông nội bộ và sân bãi trong từng Nhà xưởng, xí nghiệp, công ty,...

- Mỗi lô đất xây dựng nhà máy đều tiếp giáp với trục lộ giao thông.

**Bảng thống kê hệ thống giao thông**

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Mặt cắt	Diện tích (m <sup>2</sup> )			Lộ giới (m)	Khoảng lùi (m)
				Lề	Lòng	Lề		
1	Đường dẫn cầu Cồn Tiên	440	2 - 2	8	12	8	28	10 - 6
2	Đường số 01							
	- Đoạn từ đường dẫn vào cầu Cồn Tiên đến đường số 05	1.030,5	1 - 1	6	14	6	26	10 - 10
	- Đoạn từ đường số 05 đến Cảng sông	108	1b - 1b	6	14	6	26	
	- Đoạn từ đường dẫn cầu Cồn Tiên đến đường số 04	311,5	1a - 1a	6	14	6	26	6 - 6
3	Đường số 02	440	3 - 3	4	9	4	17	10 - 10
4	Đường số 03	440	3 - 3	4	9	4	17	10 - 10
5	Đường số 04	440	5 - 5	4	7	4	15	6 - 0
6	Đường số 05							
	- Đoạn từ đường số 04 đến đường dẫn vào cầu Cồn Tiên	311,5	5 - 5	4	7	4	15	6 - 0
	- Đoạn từ đường dẫn cầu Cồn Tiên đến đường kênh Ba Nhịp	1.427	4 - 4	4	7	7	15	10 - 0
7	Đường Kênh Ba Nhịp							

	- Đoạn từ đường số 04 đến đường dẫn cầu Côn Tiên	311,5	6a - 6a	4	7	4	15	0 - 6
	- Đoạn từ đường cầu Côn Tiên đến đường số 05	1.062	6 - 6	4	7	4	15	0 - 10
8	Bãi đậu xe			20.000				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.322 m</b>		<b>137.935</b>				

### **8.3. Quy hoạch cấp điện:**

- Nguồn cấp: Điện cung cấp chủ động từ tuyến ĐDK 22KV hiện hữu nằm ở phía Nam của Cụm Công nghiệp (ngoài ranh quy hoạch).
- Điện trong khu quy hoạch đi nổi theo trục giao thông và đấu nối vào từng nhà máy thông qua các trạm biến áp của từng Nhà máy, xí nghiệp, công ty.
- Các nhà máy, xí nghiệp có trạm hạ thế theo công suất phù hợp nhu cầu sử dụng.
- Tổng công suất tiêu thụ: 8.200 KVA.

### **8.4. Quy hoạch cấp nước:**

- Tổng nhu cầu dùng nước  $Q = 1.330 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Nguồn cấp nước từ 2 hướng: 01 hướng lấy từ trạm cấp nước của thành phố Châu Đốc trên đường tỉnh 955A và 01 hướng lấy từ trạm cấp nước của thành phố Châu Đốc trên Quốc lộ 91.
- Cấp nước chữa cháy:
  - + Cấu trúc mạng lưới cấp nước chia làm 2 cấp: Cấp I đường ống truyền tải ống HDPE Ø160; Cấp II đường ống phân phối ống HDPE Ø110.
  - + Bố trí 15 trụ cứu hỏa đảm bảo chữa cháy cho 2 đám xảy ra cùng thời điểm. Thiết kế đủ lượng nước dự phòng cho 02 đám cháy xảy ra cùng một thời điểm, với lưu lượng mỗi đám cháy cần cung cấp 20 l/s, trong điều kiện liên tục trong 3 giờ.

### **8.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:**

#### **a) Thoát nước thải**

- Tổng lưu lượng nước thải  $Q = 1.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp được thu gom về khu xử lý nước thải chung được dẫn về cửa từng Nhà máy, xí nghiệp, công ty để xử lý đảm bảo Quy chuẩn, tiêu chuẩn trước khi thải ra kênh Ba Nhịp.
- Sử dụng tuyến ống HDPE Ø300 bố trí thu nước từ các công trình dẫn về khu xử lý nước thải cấp 1 trước khi theo tuyến cống BTCT thoát ra kênh Ba Nhịp.

#### **b) Quản lý chất thải rắn:**

- Rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp được phân loại ngay tại nguồn, cụ thể:
  - *Rác thải sinh hoạt:* Thu gom đưa về khu kỹ thuật để vận chuyển đến bãi rác chung của thành phố.
  - *Rác thải công nghiệp:* Có 2 loại: Loại tái chế được sẽ thu gom bán cho các doanh nghiệp thu mua phế liệu, loại không tái chế được sẽ thu gom tập kết đến khu kỹ thuật vận chuyển đến khu xử lý rác thải chung của thành phố.

### **8.6. Quy hoạch Thông tin liên lạc**

- Nguồn và hệ thống thông tin liên lạc đầu nối vào tuyến cáp thông tin chính trên đường Tỉnh lộ 955A.

### **9. Đánh giá môi trường chiến lược, bảo vệ môi trường:**

Thực hiện theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường.

### **10. Các công trình ưu tiên đầu tư:**

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Xây dựng khu xử lý nước thải tập trung cho cụm công nghiệp.
- Xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội.
- Nhà ở công nhân.

**Điều 2.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc:

1. Tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Chỉ đạo việc thực hiện Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành thực hiện theo đúng quy hoạch và pháp luật.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Nung**